

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 24/10/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Ôn.

2. Bà Võ Thị Nguyệt Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 năm 2018 và ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/201/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số 18 A, Hà Nội.

Do ông Nguyễn Dư T – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh thị xã T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 105/UQ/NHNN-HCSN ngày 02/7/2018) – Có mặt.

3. *Bị đơn:* Công ty VN; địa chỉ: Số 49, đường QT, phường B, thị xã T, tỉnh Quảng Trị.

4. *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Văn T, trú tại: Số 49, đường QT, phường B, thị xã T, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty VN) – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn T, trú tại: thôn QT, xã HQ, huyện HL, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty VN)- Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn P và bà Lê Thị L; địa chỉ: Thông QT, xã HQ, huyện HL, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

Ông Lê Văn Q và bà Trần Thị L; địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã T, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018, bản bổ sung chi tiết quá trình quan hệ tín dụng Công ty VN, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/02/2012, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh thị xã T (Agribank chi nhánh thị xã T) và Công ty VN ký hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD với hạn mức tối đa là 1.500.000.000 đồng; mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn được quy định theo từng lần nhận nợ. Ngày 09/11/2012 Agribank chi nhánh thị xã T và Công ty VN ký hợp đồng tín dụng bổ sung số 03/HĐTD với hạn mức tối đa là 1.800.000.000 đồng. Sau khi hết hạn hạn mức tín dụng (01 năm), ngày 28/02/2013 Agribank chi nhánh thị xã T và Công ty VN ký hợp đồng hạn mức tín dụng mới số: 04/HĐTD, với hạn mức tối đa 2.100.000.000 đồng; toàn bộ dư nợ của hai hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 28/02/2012 và 03/HĐTD ngày 09/11/2012 được chuyển qua theo dõi tại hợp đồng này. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 28/02/2013; mục đích vay: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông thủy lợi, trang trí nội thất, xây lắp các công trình cấp thoát nước, điện từ 35KV trở xuống; lãi suất thỏa thuận, mức lãi suất tùy theo từng giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD là các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số: 09042013A/TC ngày 09/4/2013 là tài sản của ông Lê Văn P và bà Lê Thị L với số tiền bảo đảm nợ cho là 306.450.000 đồng. (Tài sản được đánh giá lại định kỳ theo hợp đồng thế chấp cũ số 24-02-2012A ngày 24/02/2012)

Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số: 09042013B/TC ngày 09/4/2013 là tài sản của ông Lê Văn Q và bà Trần Thị L, với số tiền bảo đảm nợ cho Công ty VN là 678.795.000 đồng. (Tài sản được đánh giá lại định kỳ theo hợp đồng thế chấp cũ số 24-02-2012B ngày 24/02/2012)

Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số: 09042013C/TC ngày 09/4/2013 là tài sản của bà Trần Thị Minh H.

Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số: 09042013D/TC ngày 09/4/2013 là tài sản của ông Trần Thanh L và bà Lê Thị Thanh P (Tài sản được bổ sung để nâng hạn mức tín dụng).

Hợp đồng thế chấp bên thứ ba số: 09042013E/TC ngày 09/4/2013 là tài sản của ông Lê Văn T (Tài sản được bổ sung để nâng hạn mức tín dụng).

Số tiền gốc Agribank chi nhánh thị xã T đã giải ngân cho Công ty VN: 2.100.000.000 đồng, theo các lần nhận nợ như sau:

1. Giấy nhận nợ ngày 18/01/2013 (chuyển qua theo giới từ hợp đồng số 02/HĐTD ngày 28/2/2012 và 03/HĐTD ngày 09/11/2012), số tiền giải ngân 570.000.000 đồng; lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ 18/9/2013.

Ngày 08/10/2014 đã thu 341.800.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản ông Lê Văn T theo hợp đồng thế chấp số 09042013E/TC.

Ngày 02/8/2016 đã thu 207.000.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản ông Trần Thanh L và bà Lê Thị Thanh P theo HĐTC số 09042013D/TC.

Ngày 08/5/2017 đã thu 21.000.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản bà Trần Thị Minh H theo hợp đồng thế chấp số 09042013C/TC.

Dư nợ gốc còn lại hiện nay là: 200.000.000 đồng

Dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 78.751.628 đồng.

Tiền lãi của Công ty TNHH MTV VN được tính theo hướng dẫn tại văn bản số 6626/NHNo-TD ngày 15/08/2017 của Agribank và văn bản số 876/NHNo-KHCN ngày 22/08/2017 của Agribank tỉnh Quảng Trị, theo đó, mức lãi suất của Công ty TNHH MTV VN được đưa về một mức lãi suất là 5,5%/năm đối với nợ đã xử lý rủi ro, 9,9%/năm đối với nợ đã bán cho VAMC.

2. Giấy nhận nợ ngày 25/01/2013 (chuyển qua theo giới từ hợp đồng số 02/HĐTD ngày 28/02/2012 và 03/HĐTD ngày 09/11/2012), số tiền giải ngân 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ 18/8/2013. Dư nợ hiện tại 200.000.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 104.060.000 đồng.

3. Giấy nhận nợ ngày 29/01/2013 (chuyển qua theo giới từ hợp đồng số 02/HĐTD ngày 28/02/2012 và 03/HĐTD ngày 09/11/2012), số tiền giải ngân 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ 29/10/2013.

Ngày 08/5/2017 đã thu 233.535.000 đồng nợ gốc từ bán tài sản của bà Trần Thị Minh H theo hợp đồng thế chấp số 09042013C/TC. Dư nợ gốc còn lại hiện tại 66.465.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 112.315.816 đồng.

4. Giấy nhận nợ ngày 01/02/2013 (chuyển qua theo giới từ hợp đồng số 02/HĐTD ngày 28/02/2012 và 03/HĐTD ngày 09/11/2012), số tiền giải ngân 430.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ ngày 01/6/2013.

Ngày 17/6/2013 Công ty VN trả nợ gốc 110.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2018 đã thu nợ gốc 310.000.000 đồng từ việc bán tài sản ông Lê Văn Q, bà Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 09042013B/TC, dư nợ hiện tại 10.000.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 153.912.000 đồng

5. Giấy nhận nợ ngày 15/4/2013, số tiền giải ngân 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ ngày 15/01/2014.

Ngày 21/9/2018 đã thu nợ gốc 216.502.000 đồng từ việc bán tài sản ông Lê Văn Q, bà Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 09042013B/TC, dư nợ gốc hiện tại 83.498.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 149.490.000 đồng.

6. Giấy nhận nợ ngày 04/5/2013, số tiền giải ngân 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ ngày 04/12/2013.

Dư nợ gốc hiện tại 200.000.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 98.615.000 đồng.

7. Giấy nhận nợ ngày 06/5/2013, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ ngày 06/11/2013.

Dư nợ gốc hiện tại 100.000.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018: 49.252.500 đồng.

Quá trình vay Công ty VN đã vi phạm hợp đồng tín dụng lần đầu ngày 03/6/2013, sau đó Agribank thị xã T đã đơn đốc Công ty trả nợ và bán một số tài sản sau:

Ngày 17/6/2013 Công ty trả nợ 110.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2014 thu nợ gốc từ việc bán tài sản của bên thứ ba là 341.800.000 đồng.

Ngày 02/8/2016, thu gốc từ việc bán tài sản của bên thứ ba là 207.000.000 đồng.

Ngày 08/5/2017, thu gốc từ việc bán tài sản của bà Trần Thị Minh H là 254.535.000 đồng.

Dư nợ hiện tại của Công ty VN là 1.933.061.988 đồng; trong đó dư nợ gốc là: 1.186.665.000 đồng, nợ tiền lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty VN trả nợ cho Agribank chi nhánh thị xã T số tiền tính đến ngày 31/3/2018 là: 1.933.061.988 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi một ngàn chín trăm tám mươi tám đồng); trong đó, nợ gốc là 1.186.665.000 đồng, nợ tiền lãi là 746.396.988 đồng.

2. Nếu Công ty VN không có khả năng trả nợ thì buộc các bên bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của công ty phải trả thay hoặc bàn giao tài sản đã thế chấp cho Agribank để bán thu hồi nợ của công ty theo quy định của pháp luật đã được thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q và bà Trần Thị L đã phối hợp với Agribank thị xã T thực hiện việc bàn giao tài sản đã thế chấp cho Agribank để bán thu hồi nợ. Ngày 13/8/2013, Ngân hàng N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể:

- Rút số tiền 529.502.000 đồng tiền gốc.
- Rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 09042013B/TC ngày 09/4/2013.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị Công ty VN phải trả số tiền 1.403.559.988 đồng; trong đó dư nợ gốc là 657.163.000 đồng; dư nợ lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng.

Đối với bị đơn Công ty VN: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau: Công ty VN do ông Lê Văn T, sinh năm 1973 làm Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty, trước đây có thuê nhà của ông Võ Văn B và bà Lê Thị Thu H, địa chỉ số 49 đường Q, phường A, thị xã T để làm Trụ sở hoạt động của Công ty và đăng ký địa chỉ hoạt động kinh doanh từ tháng 2/2009 đến tháng 4/2013. Từ năm 2013 đến nay Công ty VN không còn hoạt động tại địa chỉ nêu trên. Hiện nay Công ty VN hoạt động ở đâu, có trụ sở tại địa chỉ nào chính quyền địa phương không rõ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn P và bà Lê Thị L từ chối làm việc với Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với những nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của ông Lê Văn P và bà Lê Thị L tại thông QT, xã HQ, huyện HL, tỉnh Quảng Trị vào ngày 26/7/2018 (BL số 146-148) và được Hội đồng định giá tài sản thế chấp của ông Lê Văn P và bà Lê Thị L có tổng giá trị 46.352.000 đồng (BL số 149-153).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 122, Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc Công ty VN phải trả số tiền 1.403.559.988 đồng (Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc 657.163.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là 529.502.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu và đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ trên và theo Hợp đồng số 09042013B/TC ngày 09/4/2013 giữa Agribank chi nhánh thị xã T đối với ông Lê Văn Q, bà Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đề ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại thị xã T, tỉnh Quảng Trị thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn thị xã T và là nơi có địa chỉ của bị đơn. Do đó, theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty VN thay đổi địa chỉ mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không tiến hành hòa giải được, triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết và thực hiện trước ngày 01/10/2017. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật thương mại, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD ngày 28/02/2013 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh thị xã T và Công ty VN là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh thị xã T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Do bên vay là Công ty VN vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được thỏa thuận cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày khởi kiện 31/3/2018 và được Tòa án thụ lý vụ án thì khoản nợ của Công ty VN thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Agribank chi nhánh thị xã T về việc đòi nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Nợ gốc theo Hợp đồng số 04 ngày 28/02/2013 của Agribank chi nhánh thị xã T và Công ty VN thì hạn mức tín dụng của hợp đồng là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng), qua các lần nhận nợ số trên Agribank chi nhánh thị xã T giải ngân là 2.100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, việc kinh doanh khó khăn nên Công ty VN đã bán một số tài sản thế chấp chính chủ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện phối hợp với Agribank chi nhánh thị xã T bàn giao tài sản thế chấp để bán thu hồi nợ cho Agribank chi nhánh thị xã T như sau:

- Ngày 17/6/2013, Công ty TNHH một thành viên đã trả nợ gốc 110.000.000 đồng (BL 219)

- Ngày 08/10/2014 đã thu 341.800.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản ông Lê Văn T theo hợp đồng thế chấp số 09042013E/TC.(BL 226)

- Ngày 02/8/2016 đã thu 207.000.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản của ông Trần Thanh L và bà Lê Thị Thanh P theo hợp đồng thế chấp số 09042013D/TC (BL 227)

- Ngày 08/5/2017 đã thu 21.000.000 đồng nợ gốc từ việc bán tài sản của bà Trần Thị Minh H theo hợp đồng thế chấp số 09042013C/TC (BL)

- Ngày 08/5/2017 đã thu 233.535.000 đồng từ việc bán tài sản của bà Trần Thị Minh H theo hợp đồng thế chấp số 09042013C/TC. (BL)

- Ngày 21/9/2018 đã thu nợ gốc 310.000.000 đồng từ việc bán tài sản của ông Lê Văn Q và bà Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 09042013B/TC.

- Ngày 21/9/2018 đã thu nợ gốc 216.502.000 đồng từ việc bán tài sản của ông Lê Văn Q và bà Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 09042013B/TC.

- Ngày 23/10/2018 đã thu 3.000.000 đồng từ bán tài sản của ông Trần Thanh L và bà Lê Thị Thanh P theo Hợp đồng số 09042013D/TC.

Đến ngày 23/10/2018, Agribank chi nhánh thị xã T đã thu nợ gốc của Công ty VN với số tiền là 1.442.387.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng), dư nợ gốc còn lại là 657.163.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Do đó, buộc Công ty VN phải thanh toán cho Agribank chi nhánh thị xã T số tiền nợ gốc tính đến thời điểm xét xử là 657.163.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Về khoản nợ tiền lãi: Agribank chi nhánh thị xã T yêu cầu Công ty VN phải trả số tiền lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng). HĐXX thấy rằng: theo Hợp đồng tín dụng số 04 ngày 28/02/2013, lãi suất thỏa thuận, mức lãi suất tùy theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo quy định lãi suất của Agribank tỉnh Quảng Trị tại thời điểm điều chỉnh. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công

ty VN chỉ mới trả một phần nợ gốc là 110.000.000 đồng và sau đó Agribank chi nhánh thị xã T đã xử lý bán tài sản thu hồi nợ gốc với tổng số nợ gốc đã thu hồi là 1.442.837.000 đồng. Tại các giấy nhận nợ của Hợp đồng tín dụng số 04 ngày 28/02/2013 thỏa thuận lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Tuy nhiên, quá trình thu hồi nợ phía người có nghĩa vụ liên quan đã giao tài sản cho phía nguyên đơn bán thu hồi nợ gốc, nên phía nguyên đơn tính lãi suất theo mức lãi suất quy định tại văn bản số 6626/NHNo-TD ngày 15/8/2017 của Ngân hàng N về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với các khoản nợ đã XLRR, nợ đã bán cho VAMC.

Agribank chi nhánh thị xã T yêu cầu Công ty VN phải trả khoản tiền nợ lãi là có cơ sở, cần chấp nhận.

Mặt khác, Sau khi Công ty VN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bên có nghĩa vụ liên quan tự nguyện bàn giao tài sản và đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện (giao tài sản bán thu hồi nợ gốc), Nên căn cứ vào Điều 162 BLDS năm 2015, vụ án được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Agribank chi nhánh thị xã Quảng số tiền lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng (Bút lục 168) là có cơ sở, cần chấp nhận. Từ ngày 31/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/10/2018) phía nguyên đơn Agribank chi nhánh thị xã T không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về yêu cầu của Agribank chi nhánh thị xã T buộc bên bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 09042013A ngày 09/4/2013 giữa Agribank chi nhánh thị xã T là ông Lê Văn P và bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ thay hoặc bàn giao tài sản thế chấp cho Agribank chi nhánh thị xã T để bán thu tiền nợ. Thấy rằng: Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo được ký kết giữa Agribank chi nhánh thị xã T với ông Lê Văn P và bà Lê Thị L là tự nguyện, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp, hợp đồng đã tuân thủ quy định pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp pháp. Như vậy, yêu cầu xử lý về tài sản đảm bảo cho khoản vay trên theo Hợp đồng tín dụng số 04 ngày 28/02/2013 của Agribank chi nhánh thị xã T trong trường hợp Công ty VN không trả được nợ trong phạm vi bảo đảm của Hợp đồng 306.450.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Ngày 13/8/2018, Agribank chi nhánh thị xã T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, với số tiền yêu cầu rút là: 529.502.000 đồng và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ trên và theo Hợp đồng số 09042013B/TC ngày 09/4/2013 giữa Agribank chi nhánh thị xã T với ông Lê Văn Q, bà Trần Thị L với số tiền trong phạm vi bảo đảm là 678.795.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu

khởi kiện của phía nguyên đơn là có cơ sở, cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 80, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 122, Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Án lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc Công ty VN phải trả số tiền 1.403.559.988 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc 657.163.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 31/3/2018 là 746.396.988 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty VN còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là 529.502.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu và đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ trên và theo Hợp đồng số 09042013B/TC ngày 09/4/2013 giữa Agribank chi nhánh thị xã T đối với ông Lê Văn Q, bà Trần Thị L.

Sau khi Công ty VN thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N – chi nhánh thị xã T có nghĩa vụ trả lại tài sản thế chấp cho ông Lê Văn P và bà Lê Thị L.

Trường hợp Công ty VN không tự nguyện thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là ngôi nhà của ông Lê Văn P và bà Lê Thị L tại thôn QT, xã HQ, huyện HL, Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 938314 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/12/2006 đứng tên ông Lê Văn P và bà Lê Thị L để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi bảo đảm với số tiền 306.450.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 09042013A/TC ngày 09/4/2013.

2. Về án phí: Công ty VN phải chịu 54.106.799 đồng (Năm mươi bốn triệu, một trăm linh sáu nghìn, bảy trăm chín chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.019.400 đồng (Mười triệu không trăm mười chín nghìn, bốn trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000510 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Mai Thị Thu Hà

